

Không gian công cộng ở TP.HCM

Phần 1: MỘT CÁI NHÌN HỆ THỐNG

ThS.KTS. Lý Khánh Tâm Thảo
Khoa Công nghệ và quản lý môi trường – ĐHDL Văn Lang

Một buổi tối mùa hè nóng bức trên phố trung tâm Sài Gòn. Ở Công viên 23-9, hàng trăm người tụ tập – trẻ con tung tăng chạy đuổi theo mấy chiếc máy bay đồ chơi bằng xốp, len lỏi giữa những chùm bong bóng bay đủ màu sắc, nhiều đôi bạn trẻ âu yếm ngồi bên nhau, những người khác chỉ đơn giản ngồi lặng lẽ, nhìn người xe qua lại. Được quy hoạch lại từ ga xe buýt trung tâm cũ trước chợ Bến Thành – nơi từng là ổ tội phạm và ma túy nhiều năm trước đây – Công viên này đã trở thành một điểm hẹn ưa thích với cư dân Sài Gòn. Và những không gian công cộng khác trong thành phố, chúng có được sử dụng như ý đồ ban đầu, hay có được thiết kế quản lý hợp lý để đem lại giá trị và ý nghĩa cho cấu trúc, cuộc sống và môi trường đô thị?

Đô thị nói chung và không gian công cộng nói riêng là những không gian mà những dòng chảy kinh tế, xã hội và văn hóa được phát triển và định hình. Môi trường không gian đô thị và những hình thái kiến trúc của nó đại diện cho cả tiến trình tái tạo-thay đổi và tiến trình già cỗi của đô thị đó. Chính vì vậy, mỗi một không gian công cộng với một quy mô và tuổi tác nhất định là một sự tổng hòa của những giá trị và những hạn chế.

Không gian công cộng được định nghĩa là những phần không gian trống của cảnh quan đô thị mà người dân có thể tiếp cận tự do và đem lại, hay có tiềm năng đem lại, những lợi ích môi trường, xã hội và/hay kinh tế cho cộng đồng, có thể là trực tiếp hay gián tiếp.

Những nhận định dưới đây là tóm lược kết quả nghiên cứu của tác giả đối với không gian công cộng tại Thành phố Hồ Chí Minh (TP.HCM), bao gồm quan sát thực địa, điều tra hộ gia đình và người hưởng dụng cũng như phỏng vấn các nhà quản lý và chuyên gia. *

(Phục vụ cho Luận Văn Thạc Sĩ Khoa Học về Quản Lý Môi Trường Đô Thị của tác giả, khảo sát được tiến hành đối với 20 không gian công cộng trên các tiểu vùng đô thị đặc trưng của TP.HCM và trả lời câu hỏi thu thập từ 200 người hưởng dụng không gian công cộng và 200 người từ các hộ dân (Lý Khánh Tâm Thảo, 2004, Public Space in Ho Chi Minh City: Toward Sustainability. MSc Thesis, Wageningen University).)*

Nhìn từ lịch sử

Thử ngược dòng về lịch sử đô thị Sài Gòn-TP.HCM, trên khía cạnh không gian công cộng, để tìm lại những yếu tố vốn có thể góp phần định hình hiện trạng không gian công cộng TP.HCM hiện nay, từ mạng lưới không gian đến cách cư dân đô thị hưởng dụng. Những quan sát thực địa kế tiếp – một phương diện nào đó – dựa trên tiền đề rằng sự hiện diện và sử dụng của không gian công cộng tại TP.HCM chịu ảnh hưởng của hai dòng chảy chính trong lịch sử đô thị này: *lối sống dân gian và lối sống thành thị theo kiểu phương Tây.*

Trong dòng chảy thứ nhất, với vị trí kế cận biển thuận lợi và là cửa ngõ nối kết với Đồng bằng Sông Cửu Long, Sài Gòn vốn là một hải cảng thương thuyền tấp nập cho vùng đất trù phú này ở miền Nam Việt Nam và một nơi định cư lý tưởng. Nhiều lối sống dân gian và tổ chức xã hội khác nhau đã được bảo tồn và song hành cùng với quá trình phát triển đô thị. Tính chất nổi bật nhất của cấu trúc không gian đô thị là hệ thống thủy văn với sông ngòi và các kênh rạch phức tạp lan tỏa trên khắp lãnh thổ đô thị. Quần cư đô thị thường phân bố thành cụm hay tuyến dọc theo các dòng nước và quanh các nơi hội thủy. Tính chất này, một mặt, dẫn đến lối sống đặc trưng của vùng sông nước này: *sống với nước* – trong đó nước và bờ nước được xem như không gian công cộng. Mặt khác, trong làng, không gian công cộng chính là *đình làng và sân đình*. Có thể thấy sự hiện diện rất đặc biệt của những không gian công cộng phi chính quy

– đường làng, vỉa hè, không gian trống – trong giao tiếp xã hội và hoạt động của cư dân hằng ngày.

Trong dòng chảy thứ hai, chính quá trình quy hoạch những hạt nhân đô thị - Sài Gòn và Chợ Lớn – của người Pháp đã bắt đầu định hình cấu trúc đô thị theo một phương thức chính quy hơn, phương Tây hơn. Những cấu trúc đường giao thông bàn cờ hay hình sao với quảng trường công cộng hay công viên ở những điểm nút trong khu trung tâm gợi nhớ đến những bản vẽ quy hoạch theo trường phái Haussmann.

Nhìn vào phân bố không gian

Trên góc độ không gian, không gian công cộng ở TP.HCM có thể được xem như sự xếp chồng của ba lớp không gian chính quy và một lớp không gian phi chính quy. Thuật ngữ lớp (*layer*) được sử dụng lớp là tập hợp những cá thể cùng loại, nhưng đó có thể không phải là một mạng lưới (*network*) – dù là một mạng lưới chưa hoàn chỉnh – nếu những cá thể đó không đạt yêu cầu và hoàn toàn rời rạc với nhau.

Theo cách nhìn này, ba lớp không gian chính quy là **lớp không gian xanh** (*green spaces*) – bao gồm các công viên, vườn dạo, vườn cộng đồng..., **lớp không gian sinh hoạt** (tạm dịch từ *civic spaces*) – là những quảng trường, phố đi bộ... và **lớp không gian mặt nước và bờ** (*water bodies and water fronts*) – là hệ thống sông ngòi, kênh rạch và dải không gian dọc bờ. Khi đối chiếu với tổng quan lý thuyết (*theoretical background*) thì cách phân chia lớp này có hai điểm cần lưu ý. Thứ nhất, đó là lớp không gian mặt nước và bờ vốn thường được bao hàm trong lớp không gian xanh nay được tách riêng ra thành lớp thứ ba do yếu tố đặc biệt của nó trong đời sống cư dân miền Nam nói chung và vùng đô thị Sài Gòn-TP.HCM nói riêng, như đã nhận định phía trên, có thể đem lại cho lớp không gian này những chức năng mở rộng. Thứ hai, đó là sự ghi nhận một lớp tạm gọi là lớp không gian công cộng *phi chính quy*. Trong khi những không gian công cộng chính quy dần hiện diện rõ hơn trong đời sống thị dân, một thế giới phi chính quy cũng đã tồn tại từ trước, phát triển song song và cực kỳ phong phú – thường là những không gian không chính thức, không được thiết kế và/hay không có chức năng chính là không gian công cộng. Chúng có thể là những khoảng đất trống chưa xây dựng trong những khu phố, nơi chiều chiều thanh niên tụ tập đá cầu, đá bóng, và ở một góc nhỏ kia lũ trẻ con bò lồm cồm bản bi gần những ông bà cụ ngồi hóng mát. Cũng có thể là những vỉa hè không chỉ đơn giản mang chức năng giao thông mà tấp nập những quán cóc, những người ngồi thư thả đánh cờ... Trên khắp các nẻo, góc nhỏ nhất của thành phố này, không gian chung/cộng được nối kết với không gian riêng tư bằng những vỉa hè như thế.

Nhìn chung, ba lớp không gian công cộng chính quy ở TP.HCM không tạo thành một mạng lưới hoàn chỉnh. Thứ nhất, đó là sự thiếu vắng quảng trường trung tâm và phố đi bộ trong thành phố - mà yếu tố thứ hai đã dẫn đến sự nối kết lỏng lẻo giữa các không gian công cộng và biến chúng thành những không gian rời rạc. Thứ hai, mạng lưới không gian công cộng không đạt yêu cầu về số lượng và diện tích, có nghĩa là không gian công cộng không đủ phục vụ cho sự phát triển dân số rất nhanh. Thứ ba, phần lớn những không gian công cộng hiện hữu đang xuống cấp và không được khai thác đúng mức. Rất nhiều không gian công cộng, đặc biệt là các công viên cây xanh đang chịu đựng nhiều vấn đề về quản lý, bảo dưỡng, thiết kế, v.v. Sự xâm chiếm, tư nhân hóa hoạt động không gian công cộng như rào khuôn viên-phân khu, cho thuê kinh doanh tư nhân, v.v. cũng là một yếu tố gây ra sự xung đột trong quản lý và sử dụng những không gian đó. Việc hưởng dụng mặt nước và bờ bị mờ đi: khó tiếp cận mặt nước do bờ kè thiết kế không hợp lý, ngăn cản các hoạt động xã hội văn hóa gần với nước, thêm nữa các kênh rạch đang bị lấn chiếm và ô nhiễm nghiêm trọng.

Mặt khác, có một khoảng cách lớn trong sự phân bố và sử dụng không gian công cộng ở các tiểu vùng đô thị khác nhau trong thành phố. Trong khi những không gian công cộng ở trung tâm thành phố được đầu tư chăm sóc và được sử dụng nhiều với mật độ cao thì không gian công cộng ở các khu vực khác đang xuống cấp nặng nề.

Nhìn vào không gian và người hưởng dụng

Sự hưởng dụng

Khảo sát trên các hộ dân cho thấy không có nhiều người lui tới những không gian công cộng chính quy (khoảng 25% người được hỏi), nhưng hầu hết đều sử dụng những không gian phi chính quy cho hoạt động hàng ngày. Hiện tượng này thấy rất rõ ở Chợ Lớn, nơi mà không gian công cộng đang xuống cấp và bị bỏ quên không sử dụng.

Đối với tần suất sử dụng, điều thú vị là phần lớn nói rằng họ đến những không gian công cộng mỗi tuần một lần hay nhiều hơn (tương ứng với 35% và 37% người được hỏi). Những con số này được giải thích ngay phía dưới khi hoạt động thể dục thể thao hằng ngày/hằng tuần được cho là nhóm hoạt động chính yếu nhất của những người hưởng dụng không gian công cộng. Do TP.HCM có một khí hậu ổn định với hai mùa, không có kiểu thức hưởng dụng khác nhau theo mùa ở các không gian đó. Thay vào đó, sự hưởng dụng không gian công cộng thay đổi theo kiểu thức tuần với một sự tăng nhẹ vào cuối tuần. Và hơn hết, sự hưởng dụng biến chuyển mạnh theo kiểu thức ngày: rất nhiều vào sáng sớm (55%), giảm xuống vào buổi sáng (15%), rất ít vào buổi trưa chiều (5%) và tăng mạnh trở lại vào chiều tối (25%). Riêng khu trung tâm thành phố có một kiểu thức hơi khác khi đông người hưởng dụng không gian công cộng nhất vào buổi tối, đặc biệt là vào cuối tuần khi mọi người đổ xô vào khu này.

Người dân hưởng dụng không gian công cộng theo những nhóm hoạt động khác nhau. Nhóm chính là hoạt động thể dục thể thao, kể đến là hưởng dụng thụ động (nhìn phố phường, giải khát, chờ hẹn...), hoạt động giao tiếp xã hội, hưởng dụng môi trường thiên nhiên và tham dự các hoạt động lễ hội. Dĩ nhiên, rõ ràng là có những khoảng chồng lấp giữa các nhóm phân loại này, chẳng hạn như một người đến hưởng dụng thiên nhiên cũng có thể hưởng dụng thụ động. Tuy vậy, chúng ta có thể định nghĩa lý do chính yếu người dân hưởng dụng không gian công cộng, dù rằng những cá nhân khác nhau có thể có những lý do khác nhau ở những khoảng thời gian khác nhau, và những lý do đó có thể thay đổi theo cuộc đời mỗi người, thường thường là từ sự hưởng dụng năng động hơn hồi trẻ cho đến thư giãn, thụ động hơn ở nhiều năm sau đó.

Nghiên cứu đã sử dụng cách phân loại xã hội học để nhận diện và phân loại người hưởng dụng, sử dụng các thông số tuổi, giới tính, tình trạng thể lực và trí lực và dân tộc. Khung phân loại này nhằm hệ thống hóa những khảo sát sâu hơn trong tương lai. Độ tuổi người sử dụng khác nhau theo kiểu thức ngày và lý do sử dụng. Về phương diện giới tính, có một sự khác biệt nhỏ khi có ít giới nữ đến không gian công cộng hơn nam giới. Có rất ít dấu hiệu về phương diện khả năng trí lực, thể lực và dân tộc trong sử dụng không gian công cộng.

Những yếu tố

Kết quả khảo sát từ hộ gia đình và người hưởng dụng được phân tích thành hai nhóm: nhóm các yếu tố hạn chế sự hưởng dụng không gian công cộng và nhóm các yếu tố thúc đẩy sự hưởng dụng không gian công cộng.

Trong nhóm thứ nhất, những yếu tố ngăn cản người dân lui đến không gian công cộng chia thành hai phân nhóm. Nhóm những vấn đề *cá nhân* liên quan đến những điều kiện riêng tư và không thể được giải quyết bằng những giải pháp trong thiết kế, quản lý. Nhóm những vấn đề *tài nguyên* liên quan đến bản thân không gian công cộng bao gồm cả vị trí, khả năng tiếp cận/truy cập, chất lượng môi trường hay cảm nghiệm của người hưởng dụng đối với không gian công cộng; và do đó có thể được khắc phục nếu các nhà quy hoạch, thiết kế và quản lý có hướng giải quyết thỏa đáng. Ý kiến của các nhà lãnh đạo và chuyên viên cũng nằm trong phân nhóm này.

Trên phương diện tài nguyên, năm yếu tố chính hạn chế sự hưởng dụng không gian công cộng là: **giao thông; tiện nghi sử dụng nghèo nàn; những hành vi gây hại xã hội và tội phạm; thiết kế không hợp lý; và quản lý yếu kém**. Điểm lưu ý ở đây là khả năng tiếp cận

kém ở một số nơi lại do các giải pháp quản lý, chẳng hạn như rào chắn thấp để ngăn xe máy xâm nhập công viên cũng chặn luôn người khuyết tật ra vào. Một số yếu tố khác cũng được ghi nhận như sự xung khắc các chức năng không gian, thiếu thốn chỗ ngồi và ánh sáng.

Trong nhóm thứ hai, việc rà soát lại các thông tin thu thập đã đề xuất rằng những yếu tố làm người ta cảm thấy thích hưởng dụng không gian công cộng thuộc về ba chủ đề (*theme*) chính: **những yếu tố thiết kế; những yếu tố vận hành và quản lý; và hồn nơi chốn** (*genius loci*). Trong khi hai chủ đề trước tương đối rõ ràng – những thuận lợi do thiết kế mang lại như dễ tiếp cận, đầy đủ các yếu tố vật chất; những điểm mạnh do vận hành và quản lý như an toàn, bảo dưỡng tốt, các sự kiện và hoạt động phong phú... chủ đề cuối cùng cần phải được nghiên cứu thấu đáo. Hồn nơi chốn là những yếu tố thúc đẩy sự hưởng dụng không gian không trực tiếp đến từ bản thân không gian – mà từ bao cảnh xung quanh chẳng hạn, hay không được sinh ra trong tiến trình thiết kế và quản lý – mà do quá trình lịch sử, văn hóa đã tạo nên dấu ấn cho nơi chốn ấy. Hồn nơi chốn là một yếu tố không phải dễ dàng mà một không gian có được, nhưng khi đã có thì đây là một yếu tố rất đặc biệt và không thể nhầm lẫn.

Nhìn những cơ hội

Kết quả khảo sát dù sao cũng cho thấy những điểm lưu ý cho những nghiên cứu tiếp theo sau này hay thể hiện một dấu hiệu tốt cho tương lai nếu chúng ta nhận diện được những cơ hội.

Thứ nhất là về những điểm cơ bản của không gian công cộng. Có nhận định cho rằng không gian công cộng ở TP.HCM đã trải qua một sự thích nghi về thiết kế không gian phù hợp với khí hậu nhiệt đới – một quá trình trải dài trong suốt lịch sử đô thị và chưa được nghiên cứu thấu đáo. Những không gian sinh hoạt (*civic spaces*) thường có quy mô nhỏ và được phủ nhiều diện tích xanh để giảm *hiệu ứng đảo nhiệt* (*heat-island effect*). Trong bối cảnh việc quy hoạch thiết kế quảng trường trung tâm của Trung tâm mới Thủ Thiêm đang được tiến hành, liệu lưu ý này có thể đem lại một giải pháp nào đó để tạo dựng nên một quảng trường được người dân thành phố *thực sự và thường xuyên sử dụng*? Mặt khác, sự tồn tại của lớp không gian công cộng phi chính quy có thể được xem là một đặc tính nổi bật của cấu trúc đô thị nói chung và không gian công cộng nói riêng. Tuy những không gian đó không chính quy và thường là được sử dụng sai chức năng ban đầu, chúng cũng đáng được lưu ý khi chúng ta đặt lại vấn đề quy hoạch thiết kế bền vững không gian công cộng. Trong kỷ nguyên quốc tế hóa ngày nay, liệu những phương cách thực hành có tính riêng biệt địa phương trong sử dụng không gian có thể giúp bảo tồn những giá trị rất riêng như thế?

Thứ hai, chúng ta nên nhìn nhận lại tầm nhìn đối với không gian công cộng trong trung tâm thành phố mới hoặc những khu ở mới xây dựng. Thực vậy, Khu Đô thị Mới Nam Sài Gòn đã được phát triển với một tầm nhìn bền vững, trên góc độ không gian mở là những khu ở ưu tiên cho đi bộ (*walkable neighborhoods*) với những không gian công cộng rộng rãi, những yếu tố thiên nhiên được giữ gìn như ao hồ, kênh rạch và dải xanh dọc bờ, v.v. Tiến trình quy hoạch Thủ Thiêm cũng được đặt trong một tầm nhìn như thế. Tuy nhiên, vì một cơ hội bao giờ cũng có thể chứa một nguy cơ tiềm ẩn, chúng ta phải rà soát lại những ví dụ sao chép từ các nước khác. *Thiết kế giả* (*fake design*) từ việc sao chép hình thức mà không lưu ý đến nội dung và ý kiến người hưởng dụng có thể đặt các không gian công cộng mới và sạch đẹp kia vào tình trạng không người sử dụng.

Nhìn lại lần nữa

Một cái nhìn ngược dòng lịch sử đô thị có thể ghi nhận một *sự biến chuyển* (*transformation*) của không gian công cộng trong cấu trúc đô thị. Đó là một sự biến chuyển về không gian từ dạng không gian công cộng dân gian – mặt nước và bờ nước, sân đình làng, đường làng ngõ phố - sang dạng không gian công cộng chính quy hơn, phương Tây hơn – quảng trường, công viên, đường dạo. Điều đáng lưu ý là sự biến chuyển này chủ yếu về không gian hơn là về cách sử dụng – một hệ quả của quá trình quy hoạch đô thị thời Pháp. Nói cách khác, cách thức sử dụng không gian công cộng theo kiểu dân gian bị mai một là do những hoạt động liên quan đó

ngày nay bị hạn chế rất nhiều – ví dụ như mặt nước và bờ nước ở sông Sài Gòn và các kênh rạch ngày nay không còn khả năng tiếp cận. Một bằng chứng cho những thói quen dân gian đó là sự hưởng dụng không gian công cộng phi chính quy vẫn rất phong phú trong đời sống xã hội ngày nay. Điều này cũng cho thấy rằng sự chuyển biến không hoàn chỉnh đó đã gây ra một hậu quả là mạng lưới và sự sử dụng không gian công cộng bị khiếm khuyết. Nói cách khác, người viết tin rằng giải quyết vấn đề này có thể góp phần trả lời cho tính bền vững của không gian công cộng tại TP.HCM.